TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN N	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ	

Bản án số: 74/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 26/9/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Huệ

Thư ký phiên toà: Ông **Huỳnh Minh Đức** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận N tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân Lộc** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 429/2019/TLST–HNST ngày 06/8/2019 về việc "***Tranh chấp ly hôn"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 569/2019/QĐST-HN ngày 10/9/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thúy V,** sinh năm 1991.

ĐKTT: 512A1 Chung cư 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Lô B1 số nền 11, 13, 15, 17 Quốc lộ 80, ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Ông **Võ Hải C,** sinh năm 1985.

ĐKTT: 512A1 Chung cư 91B, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam M – Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà V trình bày:

Bà và ông Võ Hải C quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân phường An Khánh, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 29/12/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng tháng 08/2013 giữa vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm với ông C, nên bà có đơn xin được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Phạm Minh A (Nữ), sinh ngày 13/8/2013 và Võ Phạm Minh K (Nam), sinh ngày 25/02/2016. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông Võ Hải C trình bày tại bản tự khai: Xác định ông và bà V qua quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân như bà V trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã nên hôn nhân không hạnh phúc. Do vậy, nay bà V xin ly hôn thì ông cũng thống nhất. Đồng ý giao 02 con cho bà V nuôi. Tài sản chung, nợ chung cũng xác định là không có.

Do đang phải chấp hành án tại trại giam Mỹ Phước nên ông C có yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên toà :

Ông C vắng mặt.

Bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu và trình bày như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Qua nội dung đơn và trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy giữa bà V và ông C có sự bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn cuả bà V. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà V về việc xin ly hôn với ông C, đồng thời giao 02 cháu Võ Phạm Minh A và Võ Phạm Minh K cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông C có bản tự khai gửi đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà V, đồng thời xin được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông C là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà V và ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của nguyên đơn cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, nên dẫn đến mâu thuẫn, rạn nứt tình cảm. Phía ông C cũng xác định vợ chồng do bất hòa nên thường xuyên cãi vã, hôn nhân hiện không thể hàn gắn nên cũng thống nhất ly hôn. Điều này cho thấy đời sống hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[4] Về con chung: Cháu Võ Phạm Minh A và Võ Phạm Minh K hiện do bà V đang trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên đều thống nhất tiếp tục giao hai cháu cho bà V nuôi, do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận này của các bên.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà V không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V và ông C cùng xác định là không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp quan điểm.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà V phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Phạm Thúy V** đối với ông **Võ Hải C**.

2/ *Về con chung*: Giao cháu Võ Phạm Minh A (Nữ), sinh ngày 13/8/2013 và cháu Võ Phạm Minh K (Nam), sinh ngày 25/02/2016 cho bà Phạm Thúy V trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà V không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông C theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà V phải chịu 300.000đồng chuyển tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số 008219 ngày 09/7/2019 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận NK;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND phường An Khánh;
- Lưu hồ sơ.